12:07 G10-9-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 8.29 | Board 1

WHITE Zhao, Meiyin | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK Fu, Yinuo | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	f3	Rfd8	41	Kf3	NXe6	61	Kd5	
2	Bf4	d5	22	Nf1	Bd6	42	K94		62	Kc4	Ke7
3	e3	c5	23	BXd6	RXd6	43	Ne3	h5+	63	Kb4	Ke6
4	Nf3	Qb6	24	e5	Rdd8	44	K93	NXd4	64	Ka3	Kd5
5	Nc3	c4	25	Ne3		45	NXd5	Nb5	65	KbB4	Kd4
6	Rb1	Qa5	26			46	a4	c3	66	Ka3	Kc3
7	Ra1	Ne4	27			47		Nd4	67	Ka2	Kb4
8	a3	NXc3	28		a5	48	Nd3	Nb3	68	Kb2	a3+
9	Qd2	Bf4	29	fe	fe	49	Kf4	c2	69	Ka2	Nb6
10	QXc3	QXc3+	30	Nc2	Nd2	50	e6	K97	70	Ka1	Kb3
11	bc	BXc2	31	RXb5	Ne4	51	Ke5	Kf8	71	Kb1	Nd4+
12	Rc1	Bb3	32	Rab2	NXc3	52	Kd6		72	Ka1	Nc2+
13	Nd2	Ba4	33	Rb7	Rf8	53			73	Kb1	
14	e4	e6	34	h3	Rf7	54	Kd6	g5	74		ba1=Q+
15	Ra1	Nc6	35	Rb8+	RXb8	55	Ke5	g4	75	Kd2	Qe1+
16	Be2	Be7	36	RXb8+	Kh7	56	h9	h9	76		
17	0-0	0-0	37	Re8	Ne2+	57	Kf4	Nd3+	77		
18	Bd1	BXd1	38	Kh2	Rf2	58	KX94	Nc5	78		
19	RfXd1	b5	39	RaXe6	RX92	59	Kf4	NXa4	79		
20	Rdb1	a6	40	KX92	Nf4+	60	Ke4	Nc5+	80		

SIGNATURE (WHITE) Zhao, Meiyin | SIGNATURE (BLACK) Fu, Yinuo | SIGNATURE (ARBITER) Su

12:07 G10-9-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.6.29 | Board 1

WHITE Zhao Meiyin | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK Fu Yinuo | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	f3	Rfd6	41	Kf3	Ne6	61	Ke4	Nf5+
2	Bf4	d5	22	Nf1	Bd6	42	K94	g6	62	Kd5	a4
3	e3	c5	23	Bd6	Rd6	43	Ne3	h5	63	Kc4	Ke7
4	Nf3	Qb6	24	e5	Rdd8	44	K93	Nd4	64	Kb4	Ke6
5	Nc3	c4	25	Ne3	Na5	45	Nd5	N95	65	Ka3	Kd5
6	Rb1	Qa5	26	f4	h6	46	a4	c3	66	Kb4	Kd4
7	Ra1	Ne4	27	f5	Nb3	47	Nf4	Nd4	67	Ka3	Kc3
8	a3	Nc3	28	Ra2	a5	48	Nd3	Nb3	68	Ka2	Kb4
9	Qd2	Bf5	29	fe	fg	49	Kf4	c2	69	Kb2	a3
10	Qc3	Qc3	30	Nc2	Nd2	50	e6	K97	70	Kb2	Nd6
11	bc	Bc2	31	Rb5	Ne4	51	Ke5	Kd6	71	Ka1	Kb3
12	Rc1	Bb3	32	Rb2	Nc3	52	Ke6	Kc6	72	Kb1	Nd4
13	Nd2	Ba4	33	Rb7	Rf8	53	Qd	Nc1	73	Ka1	Nc2
14	e4	e6	34	h3	Rf7	54	Nc1	X	74	Kb1	a2
15	Ra1	Nc6	35	Rb8	Rb8	55	Kd6	g5	75	Kc1	a1=Q
16	Bc2	Be7	36	Rb8	Kh7	56	Ke5	g4	76	Kd2	Qe1
17	0-0	0-0	37	Re8	Ne2	57	h9	h9	77		
18	Bd1	Bd1	38	Kh2	Rf2	58	Kf4	Nd3	78		
19	Rfd1	b5	39	Re6	R82	59	Ke4	Nc5	79		
20	Rdb1	a6	40	K92	Nf4	60	f4	Na4	80		

SIGNATURE (WHITE) Zhao, Meiyin | SIGNATURE (BLACK) Fu Yinuo | SIGNATURE (ARBITER) Su

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

11:16 G10-9-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.08.29 | Board 2

WHITE	Tselmuun Tuvshinbayar	FED MGL	RESULT (W)	1
BLACK	Xu Yutong	FED CHN	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf1	Bf1	41	Ra6	Kh6	61		
2	c4	g6	22	Rc1	Re8	42	Ra1	h4	62		
3	Nf3	Bg7	23	Qa4	Ke8	43	g4	h3	63		
4	g3	0-0	24	Qb3	Bh6	44	d5	g5	64		
5	Bg2	c6	25	Qd5	Rd8	45	d6	Kg7	65		
6	0-0	d5	26	Nd7	Qd7	46	d7	Kf7	66		
7	Qb3	a5	27	Qb7	Rc8	47	[illegible]	Kg7	67		
8	cd	cd	28	Rc6	Rb8	48	Qf8+	Kh7	68		
9	Nc3	Nc6	29	Rb1	Bf8	49	Qf7+	Kh8	69		
10	e3	e6	30	Rc4	Ra3	50	Bf6#		70		
11	Qd1	Ne4	31	Rb7	Rba8	51			71		
12	Nd2	Nc3	32	Bb4	Ra2	52			72		
13	bc	b5	33	Rd2	Rd2	53			73		
14	Nb3	b4	34	Rc8	Rg1	54			74		
15	Bd2	Ba6	35	Kg2	Kg7	55			75		
16	Re1	e5	36	Bf8+	Kf6	56			76		
17	Nc5	Qd	37	Rc6+	Ke5	57			77		
18	Qd	Bc4	38	Kf3	h5	58			78		
19	Qc2	Qe8	39	Be7	f6	59			79		
20	Rac1	a4	40	Rf6	Kg5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:16 G10-9-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 8.29 | Board 2

WHITE Tselmuun Tuvshinbayar | FED MGL | RESULT (W) 1
BLACK Xu Yutong | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf1	Bf1	41	Ra6	Kh6	61		
2	c4	g6	22	Rf1	Re8	42	Ra1	h4	62		
3	Nf3	Bg7	23	Qa5	Qa8	43	g4	h3	63		
4	g3	0-0	24	Nb3	Bh6	44	d5	g5	64		
5	Bg2	c6	25	Nd5	Rd8	45	d6	Kg7	65		
6	0-0	d5	26	Nd7	Qd7	46	d7	Kf7	66		
7	Nb3	a5	27	Bd7	Rd7	47	d8=Q	Kg7	67		
8	cd	cd	28	Rc6	Rb8	48	Qf8	Kh7	68		
9	Nc3	Nc6	29	Rb1	Bf8	49	Qf7	Kh8	69		
10	e3	e6	30	~~Re5~~ Rc4	Ra7	50	Bf6		70		
11	Qd1	Ne4	31	Rb7	Rba8	51			71		
12	Nd2	Nc3	32	Bb4	Ra2	52			72		
13	bc	b5	33	Ra2	Ra2	53			73		
14	Nb3	b4	34	Rc8	Ra1	54			74		
15	Bd2	Ba6	35	Kg2	Kg7	55			75		
16	Re1	e5	36	Bf8	Ke6	56			76		
17	Nc5	Qd	37	~~Re5~~ Rb6	Ke5	57			77		
18	Qd	Bc4	38	Kf3	h5	58			78		
19	Rc2	Qe8	39	Be7	f6	59			79		
20	Rac1	a4	40	Rf6	Kg5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

11:22 G10-9-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date: 2026-08-29 | Board: 3

WHITE	FED	RESULT (W)
N. Minjbillg	MGL	0
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
B. Namuun	MGL	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21	Rh1	Nd7	41	g5	a5	61	Kf3	Ke2
2	Nc3	d5	22	Be7	Bg5	42	Be1	Kh7	62	Kf2	a4
3	e4	Bb4	23	Kg6	Be7	43	Bf2	ha3	63	Kf3	a3
4	e5	Bd7	24	Re8	Bh4	44	Be3	b4	64	Kf2	a2
5	Nf3	a6	25	Nb6	Bg3	45	Bc1	Rh1	65	Kf3	a1=Q
6	Bd3	Bb5	26	Rh8	Rae1	46	Ba3	bq	66	Kf2	ae1
7	0-0	Bd3	27	Rh1	Rh1	47	Kg2	Kb1	67	Kg2	Rg4
8	Qd3	Ne7	28	Nc4	Ra1	48	Kf2	Rb7	68	Kf3	ae4
9	a3	Bc3	29	Bf2	Ke4	49	Ra1	a2	69	Ke2	Kg2
10	bc	0-0	30	Rb1	b5	50	f5	ef	70	Kf1	ae1=Q
11	Ng5	Ng6	31	Ra1	g6	51	f6	Kg3	71		
12	h4	h6	32	Ra2	Ra1	52	ef	Rb8	72		
13	h5	hg	33	Ra2	Ke6	53	Re8	Re8	73		
14	hg	Qe8	34	Ra1	Kb6	54	c4	dc	74		
15	Qe8	Qf7	35	Ra2	Ka5	55	f5	Kb2	75		
16	Ba5	Qh5	36	Ka1	Ka4	56	c3	1 a1=Q	76		
17	f4	Qh7	37	Ra2	Rh7	57	Ra1	Ka1	77		
18	Qh7	Kh7	38	Kg3	Rh1	58	d6	cd	78		
19	g4	Kg6	39	Kg2	Rh7	59	Ke3	Ke2	79		
20	Kg2	Rh8	40	Kg3	Kf7	60	Ke4	Ke4	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:22 G10-9-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date: 2026.8.29 | Board: 3

WHITE	FED	RESULT (W)
Ninjbileg . Ngamsakh	MGL	0
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Namuun. Bagachuu	MGL	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21	Rh1	Nd7	41	f2	f2	61	Kf3	Ke2
2	Nc3	d5	22	Be2	h3	42	f3	f3	62	Kf4	Ke4
3	e4	Bb4	23	e5	f6	43	g5	g5	63	Kf3	Kd2
4	e5	Bd7	24	Re2	Re8	44	e1	e2	64	Kf2	e4
5	Nf3	a6	25	Bf5	Nb6	45	h4	h5	65	Ke3	a3
6	Bf3	Bb5	26	f3	Bb8	46	f3	b4	66	Ke2	e2
7	0-0	Bd3	27	Rh4	Rh1	47	e1	Rh1	67	Kf3	a1=Q
8	Qf3	Ne2	28	Rh1	Kf1	48	f3	b3	68	Kf2	Qe4+
9	a3	b3	29	Kg1	Rh8	49	g2	h4	69	Kg1	Kg4+
10	bc	0-0	30	h4	h2	50	h2	h2	70	h3	g4+
11	Ng5	g6	31	Rh4	b5	51	h1	e2	71	Kf2	Rg2+
12	f4	h6	32	Re1	g6	52	f5	e4	72	Kf1	Qe2#
13	f5	hg	33	Re2	Kg2	53	e6	h5	73		
14	hg	Qe8	34	Re1	h2	54	e2	Rh8	74		
15	g+	Qh2	35	Kg1	Kg6	55	R4	Re8	75		
16	Bg5	Qf5	36	Re1	h1=Q	56	c4	dc	76		
17	f4	Qf8	37	Kg2	f5	57	d5	Kg2	77		
18	Qh4	Kh2	38	Re1	Ke5	58	c3	a1=Q	78		
19	g5	Kg6	39	Kg2	Rg7	59	Re1	Ke1	79		
20	Kg2	Rh8	40	f3	Q4	60	d6	cd	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

10:23 G10-9-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 8.29 | Board 4

WHITE	wangshiya	FED	CHN	RESULT (W)	1
BLACK	Gerelt-Oyu Tsogtgerel	FED	MGL	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g4	Bg6	41			61		
2	c3	Nf6	22	Ng5	Qg5	42			62		
3	e5	Nd5	23	Qg4	Rc6	43			63		
4	Nf3	Nc6	24	Qh5	f3	44			64		
5	d4	cd	25	hg	hg	45			65		
6	cd	d6	26	h1	Qh4	46			66		
7	Bc4	Nb6	27	Rd1	Qg3	47			67		
8	Bb5	a6	28	Kf1	Qf3	48			68		
9	Bc6	bc	29	Ke1	Rh1	49			69		
10	Nc3	d5	30	Kd2	Rd1	50			70		
11	0-0	Bg4	31			51			71		
12	h3	Bh5	32			52			72		
13	Re1	e6	33			53			73		
14	Re3	Nd4	34			54			74		
15	Re1	Be7	35			55			75		
16	b3	Nb6	36			56			76		
17	Re3	c5	37			57			77		
18	Bg3	Bg5	38			58			78		
19	Re1	Qf4	39			59			79		
20	f1	Rc8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) wang shiya | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10:23 G10-9-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.08.29 | Board 4

WHITE	Wang Shiya	FED	CHN	RESULT (W)	1
BLACK	Gerelt-Oyu Tsogtgerel	FED	MGL	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g4	Bg6	41			61		
2	c3	Nf6	22	Ng5	Bg5	42			62		
3	e5	Nd5	23	Qg4	Rc6	43			63		
4	Nf3	Nc6	24	Qh4	h5	44			64		
5	d4	cd	25	f3	hg	45			65		
6	cd	d6	26	hg	Qh4	46			66		
7	Bc4	Nb6	27	Rd1	Bg3	47			67		
8	Be5	a6	28	Kf1	Bf3	48			68		
9	Bc6	bc	29	Ke1	Rh1	49			69		
10	Nc3	d5	30	Kd2	Rd1	50			70		
11	0-0	Bg4	31			51			71		
12	h3	Bh5	32			52			72		
13	Re1	e6	33			53			73		
14	Re3	Nd4	34			54			74		
15	Re1	Be7	35			55			75		
16	b3	Nb6	36			56			76		
17	Re3	c5	37			57			77		
18	Bg3	Bg5	38			58			78		
19	Re1	cd	39			59			79		
20	Nb1	Rc8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang Shiya | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

11:33 G10-9-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date: Aug 29 2026 | Board: 5

		FED	RESULT
WHITE	Empress Anika B. Cerbe	PHI	1
BLACK	Zaidani, Nusaybah Annayla h	MAS	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rfd1	Qd7	41	d6	Kf7	61		
2	Bg5	g6	22	Re1	h6	42	d7	Bxd7	62		
3	Bxf6	exf6	23	Qd2	g5	43	Kxd7	Ke6	63		
4	c4	Bg7	24	Nd5	Qh3	44	Rxb7	Kd6	64		
5	Nc3	O-O	25	Ne3	f5	45	Re4	h5	65		
6	g3	d6	26	Qa5	Rf8	46	b4	h4	66		
7	Bg2	Nd7	27	Qd5+	Kh7	47	Rxg7	h3	67		
8	e3	c5	28	Qxd6	Rb8	48	Ra6	Kd7	68		
9	Nge2	f5	29	Qc7	Rc8	49	Rh4	Kd8	69		
10	O-O	Rb8	30	Qd6	Rf6	50	Ra7	Kc8	70		
11	Nf4	cxd4	31	Qd7	Rc8	51	Rh6#		71		
12	exd4	Qb6	32	Qxd8	f4	52			72		
13	Nb5	Nf6	33	gxf4	exf4	53			73		
14	Rb1	Bd7	34	Qxf6	Bxf6	54			74		
15	Nc3	Be6	35	Nxf4	Qg4	55			75		
16	Qd2	Ne4	36	Nxg4	Bxg4	56			76		
17	Bxe4	Fxe4	37	d5	Rbd8	57			77		
18	Ne2	Bg4	38	a7 g7	Kg7	58			78		
19	b3	Qc6	39	Nh5	Kf7	59			79		
20	Qe3	Bf3	40	Nf6	Kxf6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:33 G10-9-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date: 29/8/26 | Board: 5

		FED	RESULT
WHITE	Empress Anika	PHI	1
BLACK	Nusaybah Annayla	MAS	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rfd1	Qd7	41	d6	Kf7	61		
2	Bg5	g6	22	Rfe1	h6	42	d7	Bxd7	62		
3	Bxf6	exf6	23	Qd2	g5	43	Kxd7	Ke6	63		
4	c4	Bg7	24	Nd5	Qh3	44	Rxb7	Kd6	64		
5	Nc3	O-O	25	Ne3	f5	45	Re4	h5	65		
6	g3	d6	26	Qa5	Rf8	46	b4	h4	66		
7	Bg2	Nd6	27	Qd5+	Kh7	47	Rxg7	h3	67		
8	e3	c5	28	Qxd6	Rb8	48	Ra6	Kd7	68		
9	Nbd2	f5	29	Qc7	Rc8	49	Rh4	Kd8	69		
10	O-O	Rb8	30	Qd6	Rf6	50	Ra7	Kc8	70		
11	Nf4	cxd4	31	Qd7	Rd8	51	Rh6#		71		
12	exd4	Qb6	32	Qxd8	f4	52			72		
13	Nb5	Nf6	33	gxf4	gxf4	53			73		
14	Rb1	Bd6	34	Qxf6	Bxf6	54			74		
15	Nc3	Bf8	35	Nxf4	Qg4	55			75		
16	Qd2	Ne4	36	Nxg4	Bxg4	56			76		
17	Bxe4	fxe4	37	d5	Bf5	57			77		
18	Ne2	Bg4	38	Rad1	Kg7	58			78		
19	b3	Qc6	39	Nh5	Kf7	59			79		
20	Qe3	Bf3	40	Nxf6	Kxf6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

10:50 G10-9-6.

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date 2026 8/29 SAT | Board: 6

WHITE	Kikuchi, Saya	57:32	1432	FED JPN	RESULT (W) 0
BLACK	Peng, Litan Elena	1:19:23	1440	FED HKG	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	0-0	Nd7	41	Bd4	Nc5	61	Kc8	Qe7
2	c4	c6	22	Rab	Nb6	42	g4	fxg4	62	Kb8	Qd7
3	Nc3	Nf6	23	Rfa1	h5	43	fxg4	hxg4	63	Ka8	Ke6
4	Nf3	dxc4	24	Rxa7+	Bxa7	44	h4	b2	64	Kb8	Kd6
5	a4	Bf5	25	Rxa7+	Ke6	45	Bxb2	Kxb2	65	Ka8	Kc6
6	Bf4	Nd5	26	Rab	Ra8	46	h5	Ne6	66		
7	Bg3	e6	27	Rxa8	Nxa8	47	Kf2	f5	67		
8	e3	Bb4	28	Kf1	Rd5	48	h6	Nf8	68		
9	Qd2	Qa5	29	Ke2	Kc4	49	Kg3	Ke3	69		
10	Rc1	Bxc3	30	Kd2	Nb6	50	Kf4	Kd3	70		
11	bxc3	Qxa4	31	Bd6	Nd5	51	Kxf5	g3	71		
12	Qb2	Qb5	32	f3	Nxc3	52	Kf6	g2	72		
13	Qa2	Nb6	33	Ba3	b4	53	Kf7	g1=Q	73		
14	Ne5	Qa6	34	Bb2	Na4	54	Kxf8	Qg6	74		
15	Bxa4	Nxa4	35	Ba1	Kb3	55	e4	Qxh6+	75		
16	Qxa6	Nxa6	36	d5	cxd5	56	Kf7	Kxc4	76		
17	Nxc4	b5	37	Bxg7	Ka2	57	Kg8	Kf5	77		
18	Nd6+	Ke7	38	Kd3	b3	58	Kf7	Qf6	78		
19	Ra1	Nb8	39	h3	Na5	59	Ke8	Qg7	79		
20	Nxf5+	gxf5	40	Ke2	Nd7	60	Kd8	Qf7	80		

SIGNATURE (WHITE): Saya | SIGNATURE (BLACK): Elena Peng | SIGNATURE (ARBITER): Su

10:50 G10-9-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date August 29th | Board: 6

WHITE	Kikuchi, Saya	FED JPN	RESULT (W) 0
BLACK	Peng, Litan Elena	FED HKG	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	0-0	Nd7	41	Bd4	Nc5	61	Kc8	Qe7
2	c4	c6	22	Rab	Nb6	42	g4	fxg4	62	Kb8	Qd7
3	Nc3	Nf6	23	Rfa1	h5	43	fxg4	hxg4	63	Ka8	Ke6
4	Nf3	dxc4	24	Rxa7+	Bxa7	44	h4	Qxb2	64	Kb8	Kd6
5	a4	Bf5	25	Rxa7+	Ke6	45	Bxb2	Kxb2	65	Ka8	Kc6
6	Bf4	Nd5	26	Rab	Ra8	46	h5	Ne6	66	0-1	White resigns
7	Bg3	e6	27	Rxa8	Nxa8	47	Kf2	f5	67		
8	e3	Bb4	28	Kf1	Kxd5	48	h6	Nf8	68		
9	Qd2	Qa5	29	Ke2	Kc4	49	Kg3	Kc3	69		
10	Rc1	Bxc3	30	Kd2	Nb6	50	Kf4	Kd3	70		
11	bxc3	Qxa4	31	Ba1b	Nd5	51	Kxf5	g3	71		
12	Qb2	Qb5	32	f3	Nxc3	52	Kf6	g2	72		
13	Qa2	Nb6	33	Ba3	b4	53	Kf7	g1=Q	73		
14	Ne5	Qa6	34	Bb2	Na4	54	Kxf8	Qg6	74		
15	Bxa4	Nxa4	35	Ba1	Kb3	55	e4	Qxh6+	75		
16	Qxa6	Nxa6	36	d5	cxd5	56	Kf7	Kxc4	76		
17	Nxc4	b5	37	Bxg7	Ka2	57	Kg8	Kf5	77		
18	Nd6+	Ke7	38	Kd3	b3	58	Kf7	Qf6+	78		
19	Ra1	Nb8	39	h3	Nc5+	59	Ke8	Qg7	79		
20	Nxf5+	gxf5	40	Ke2	Nd7	60	Kd8	Qf7	80		

SIGNATURE (WHITE): Saya | SIGNATURE (BLACK): Elena Peng | SIGNATURE (ARBITER): Su

扫描全能王 3亿人都在用的扫描App

10:00 G10— 9-7.

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 8,29 | Board 7

WHITE Peng, Lixiao Sonia | FED HKG | RESULT (W) 1
BLACK Wang Jin (Heb) | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qh1	Ke7	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nf3	Bf5	42			62		
3	d4	cd	23	ef	Qc3	43			63		
4	Nd4	g6	24	Qd1		44			64		
5	Nc3	Bg7	25			45			65		
6	Be3	Nf6	26			46			66		
7	f3	Nc6	27			47			67		
8	Qd2	Bd7	28			48			68		
9	g4	Ne5	29			49			69		
10	0-0-0	Rc8	30			50			70		
11	Kb1	0-0	31			51			71		
12	h4	a6	32			52			72		
13	h5	b5	33			53			73		
14	hg	Nab	34			54			74		
15	Qh2	Re3	35			55			75		
16	bc	Qa5	36			56			76		
17	g1-	Re8	37			57			77		
18	gf	gf	38			58			78		
19	Qh7	Kf8	39			59			79		
20	Bh6	Bh6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Wang Jin | SIGNATURE (ARBITER) Su

10:00 G10— 9-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026/8/29 | Board 7

WHITE Peng, Lixiao Sonia | FED Hong Kong | RESULT (W) 1
BLACK Wang, Jin | FED China | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxh6+	Ke7	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nf5+	Bxf5	42			62		
3	d4	cxd4	23	exf5	Qxc3	43			63		
4	Nxd4	g6	24	Qd2		44			64		
5	Nc3	Bg7	25			45			65		
6	Be3	Nf6	26			46			66		
7	f3	Nc6	27			47			67		
8	Qd2	Bd7	28			48			68		
9	g4	Ne5	29			49			69		
10	0-0-0	Rc8	30			50			70		
11	Kb1	0-0	31			51			71		
12	h4	a6	32			52			72		
13	h5	b5	33			53			73		
14	hxg6	Nxg6	34			54			74		
15	Qh2	Rxc3	35			55			75		
16	bxc3	Qa5	36			56			76		
17	g5	Re8	37			57			77		
18	gxf6	exf6	38			58			78		
19	Qxb7+	Kf8	39			59			79		
20	Bh6	Bxh6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Wang Jin | SIGNATURE (ARBITER) Su

CS 扫描全能王 3亿人都在用的扫描App

10:13 G10-9-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G-10 | Round: 9 | Date: 8 Aug | Board: 8

WHITE: Jhang, Jing-Jie | FED: TPE | RESULT (W): 1
BLACK: Chloe Lee | FED: SGP | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxd5	exd5	41	Ke6	Kxf4	61	Ke7	h8=Q
2	Bf4	Nf6	22	Re7	Rb8	42	Kf7	Kb3	62	Kd7	Qf6
3	e3	c5	23	Rd7	d4	43	Kg7	Kc2	63	Kc7	Qe6
4	Nbd2	Bg4	24	cxd4	cxd4	44	f5	a4	64	Kb7	Qd6
5	Nf3	e6	25	Rxd4	Kg8	45	f6	a3	65	Ka8	Qd7
6	c3	Nc6	26	Kg3	Kf7	46	f7	a2	66	Kb8	Kf6
7	Bd3	Bd6	27	Rd7	Kf6	47	f8=Q	a1=Q	67	Ka8	Ke6
8	Bxd6	Qxd6	28	Kf4	a6	48	Qf6	Ka2	68	Kb8	Kd6
9	h3	Bh5	29	Rd6	Ke7	49	Qa1	Ka1	69	Ka8	Kc6
10	0-0	0-0	30	Rc6	Kd7	50	f4	g5	70	Kb8	Qb7#
11	e4	dxe4	31	Kg4	a5	51	f5	b4	71		
12	Nxe4	Nxe4	32	a4	Kc7	52	f6	b3	72		
13	Be4	Kh8	33	Re6	Rf5	53	f7	b2	73		
14	d5	Ne5	34	Re7	Rd7	54	f8=Q	b1=Q	74		
15	dxc6	Qxd1	35	Rxd7	Kc7	55	Qa3+	Qa2	75		
16	Rxd1	Nxf3	36	Kf5	Kc6	56	Ka2	Kh7	76		
17	Bxf3	Bxf3	37	f4	Kd5	57	Kb3	Kg6	77		
18	gxf3	fxe6	38	h4	Ka6	58	Kc4	b5	78		
19	Kg2	Rad8	39	Kd4	Kc5	59	Kc5	h6	79		
20	Rfd1	Rd5	40	Ke5	Kb4	60	Ke6	h7	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10:13 G10-9-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 9 | Date: 8/29 | Board: 8

WHITE: Jhang, Jing-Jie | FED: TPE | RESULT (W): 1
BLACK: Lee, Chloe Ling Eh | FED: SGP | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxd5 82	ed 79	41	Ke6	Kxa4	61	h7	Ke7
2	Bf4	Nf6	22	Re7 82	Rb8 79	42	Kf7	Kb3	62	h8=Q	Kd7
3	e3	c5	23	Rd7 83	d4 80	43	Kxg7	Kxb2	63	Qf6	Kc7
4	Nbd2	Bg4	24	cd 83	cd 80	44	f5	a4	64	Qe6	Kb7
5	Nf3	e6	25	Rxd4 84	Kg7 Kg8 80	45	f6	a3	65	Qd6	Ka8
6	c3	Nc6	26	Kg3 84	Kf7 80	46	f7	a2	66	Qd7	Kb8
7	Bd3	Bd6	27	Rd7 82	Kf6 80	47	f8=Q	a1=Q	67	Kf6	Ka8
8	Bxd6	Qxd6	28	Kf4 82	a6 80	48	Qf6	Ka2	68	Ke6	Kb8
9	h3	Bh5	29	Rdb+ 80	Ke7 80	49	Qxa1	Kxa1	69	Kf6	Ka8
10	0-0	0-0	30	Rb6 80	Kd7 80	50	f4	b5	70	Kc6	Kb8
11	e4	de	31	Kg4 79	a5 80	51	f5	b4	71	Qb7#	
12	Nxe4	Nxe4	32	a4 79	Kc7 79	52	f6	b3	72		
13	Bxe4	Kh8	33	Re6 79	Rd8 79	53	f7	b2	73		
14	d5	Ne5	34	Re7	Rd7	54	f8=Q	b1=Q	74		
15	de	Qxd1	35	Rxd7	Kxd7	55	Qg3	Qa2	75		
16	Raxd1	Nxf3	36	Kf5	Kd6	56	Qxa2	Kxa2	76		
17	Bxf3	Bxf3	37	f4	Kd5	57	Kxh7	Kb3	77		
18	gf	fe	38	Rh4	Kd6	58	Kg6	K c4	78		
19	Kg2	Rad8	39	Ke4	Kc5	59	h5	Kd5	79		
20	Rfe1	Rd5	40	Ke5	Kb4	60	h6	Ke6	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

12:13 G10-9-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.8.29 | Board 9

WHITE Zhou, Mutong | FED KOR | RESULT (W) 0.5

BLACK Kim, Jungha | FED CHN | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd4	Re8	41	Rxd6	Rd3	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qg3	Bf6	42	Rxa6	Rxd5	62		
3	Bc4	Nf6	23	Be3	Kh7	43	Ra7+	Kf6	63		
4	d3	Be7	24	Bf4	Be5	44	Ra6+	Kg5	64		
5	O-O	O-O	25	Qd3+	Kg8	45	Ra3	Kh4	65		
6	Nc3	d6	26	Bxe5	Rxe5	46	Kf3	Rd2	66		
7	h3	h6	27	c4	Qg5	47	Ra6	Rd3+	67		
8	Ne1	Nd4	28	~~Qxg3+~~	Qf5	48	Ke4	Rxh3	68		
9	Nf3	c5	29	Qxf5	Rxf5	49	Rxg6	Kg3	69		
10	a3	Bd7 1:22	30	Rae8	~~Bg7~~ 0:42 Re8	50	~~Rxg5~~ 0:25	~~Kxg5~~ 0:26	70		
11		Nd5	31	g4	Rf6	51	Rxg5+	Kh2	71		
12	Bxd5	Rb8	32	Rc1	Rc5	52	Kf4	Rh4+	72		
13	Nxd4	cxd4	33	Rc3	b5	53	Rg4	Rxg4	73		
14	Qf3	Be6	34	f5	Rxc4	54	Kxg4		74		
15	c4	dxc4	35	Rxc4	bxc4	55			75		
16	bxc3	Bxd5	36	Rc1	g6	56			76		
17	cxd5	Bg5	37	fxg6	fxg6	57			77		
18	Be3	a6	38	hxc4	Rf3	58			78		
19	d4	Re8	39	Kg2	Rxa3	59			79		
20	dxe5	Rxe5 0:52	40	Rc6	Kfn 0:32	60			80		

SIGNATURE (WHITE) ZMT | SIGNATURE (BLACK) MONEY | SIGNATURE (ARBITER) Su

12:13 G10-9-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.8.29 | Board 9

WHITE Zhou, Mutong | FED CHN | RESULT (W) 0.5

BLACK Kim, Jungha | FED KOR | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd4	Re8	41	Rxd6	Rd3	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qg3	Bf6	42	Rxa6	Rxd5	62		
3	Bc4	Nf6	23	Be3	Kh7	43	Ra7+	Kf6	63		
4	d3	Be7	24	Bf4	Be5	44	Ra6+	Kg5	64		
5	O-O	O-O	25	Qd3+	Kg8	45	Ra3	Kh4	65		
6	Nc3	d6	26	Bxe5	Rxe5	46	Kf3	Rd2	66		
7	h3	h6	27	c4	Qg5	47	Ra6	Rd3+	67		
8	Ne1	Nd4	28	~~Qxg3+~~	Qf5	48	Ke4	Rxh3	68		
9	Nf3	c5	29	Qxf5	Rxf5	49	Rxg6	Kg3	69		
10	a3	Bd7 1:22	30	Rae8	~~Bg7~~ 0:42 Re8	50	~~Rxg5~~ 0:25	~~Kxg5~~ 0:26	70		
11		Nd5	31	g4	Rf6	51	Rxg5+	Kh2	71		
12	Bxd5	Rb8	32	Rc1	Rc5	52	Kf4	Rh4+	72		
13	Nxd4	cxd4	33	Rc3	b5	53	Rg4	Rxg4	73		
14	Qf3	Be6	34	f5	Rxc4	54	Kxg4		74		
15	c4	dxc4	35	Rxc4	bxc4	55			75		
16	bxc3	Bxd5	36	Rc1	g6	56			76		
17	cxd5	Bg5	37	fxg6	fxg6	57			77		
18	Be3	a6	38	hxc4	Rf3	58			78		
19	d4	Re8	39	Kg2	Rxa3	59			79		
20	dxe5	Rxe5 0:52	40	Rc6	Kfn 0:32	60			80		

SIGNATURE (WHITE) ZMT | SIGNATURE (BLACK) MONEY | SIGNATURE (ARBITER) Su

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

11:49 G10-9-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 8.29 | Board 10

WHITE Pan, Yitong	FED CHN	RESULT (W) 1	
BLACK Wu, Yixuan	FED CHN	RESULT (B) 0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nd6	Kf8	41			61		
2	d4	d5	22	Qf3	Qe7	42			62		
3	Nd2	Nd7	23	h4	Bc6	43			63		
4	Ngf3	Ne7	24	Q93	Nb4	44			64		
5	e5	Ng6	25	Bc4	b5	45			65		
6	Nb3	c5	26	Bb3	a5	46			66		
7	c4	cd	27	a3	Bb7	47			67		
8	Qd4	dc	28	ab	ab	48			68		
9	Bc4	Qc7	29	Rc5	Bab	49			69		
10	Bf4	Nf4	30	Rhc1	Kg7	50			70		
11	Qf4	Bb4	31	Rc7	Qd8	51			71		
12	Nbd2	Bd2	32	Rf7	K98	52			72		
13	Kd2	Nb6	33	Be6	Qa5	53			73		
14	Bb5	Bd7	34	Rd7	Kf8	54			74		
15	Ra&1	Qd8	35	Qf4#K		55			75		
16	Bd3	Bb5	36	1-0		56			76		
17	Nd4	Bd7	37			57			77		
18	Ke2	Nd5	38			58			78		
19	Q94	96	39			59			79		
20	Nb5	a6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong | SIGNATURE (BLACK) wu yi xuan | SIGNATURE (ARBITER) Su

11:49 G10-9-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.8.29 | Board 10

WHITE Pan Yi tong	FED CHN	RESULT (W) 1	
BLACK Wu Yixuan	FED CHN	RESULT (B) 0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	c6 1:30	21	Nd6 1:04	Kf8 32'	41			61		
2	d4 1:31	d5 1:30	22	Qf3 58'	Qe7 28'	42			62		
3	Nd2 1:31	Nd7 1:28	23	h4 55'	Bc6 25'	43			63		
4	Ngf3 1:31	Ne7 1:24	24	Q93 43'	Nb4 19'	44			64		
5	e5 1:31	Ng6 1:22	25	Bc4 41'	b5 17'	45			65		
6	Nb3 1:28	c5 1:18	26	Bb3 42'	a5 14'	46			66		
7	c4 1:24	cd 1:13	27	a3 42'	Bb7 11'	47			67		
8	Qd4 1:24	dc 1:11	28	ab 42'	ab 11'	48			68		
9	Bc4 1:24	Qc7 1:09	29	Rc5 42'	Bab 09'	49			69		
10	Bf4 1:19	Nf4 1:06	30	Rhc1 42'	Kg7 08'	50			70		
11	Qf4 1:18	Bb4 1:02	31	Rc7 42'	Qd8 06'	51			71		
12	Nbd2 1:14	Bd2 1:01	32	Rf7 43'	Kg8 06'	52			72		
13	Nkd2 1:10	Nb6 58'	33	Be6 43'	Qa5 04'	53			73		
14	Bb5 1:10	Bd7 55'	34	Rd7 43'	Kf8 03'	54			74		
15	Rc1 1:10	Qd8 53'	35	Qf4# 41'		55			75		
16	Bd3 1:06	Bb5 47'	36			56			76		
17	Nd4 1:05	Bd7 43'	37			57			77		
18	Ke2 1:05	Nd5 40'	38			58			78		
19	Q94 1:04	96 39'	39			59			79		
20	Nb5 1:04	a6 35'	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong | SIGNATURE (BLACK) wu yi xuan | SIGNATURE (ARBITER) Su

CS 扫描全能王 3亿人都在用的扫描App

11:45 G10-9-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.8.29 | Board 11

WHITE Jia Tianni Kim, Yeonseo — FED KOR — RESULT(W) 0

BLACK ~~Kim, Yeonseo~~ Jia, Tianni — FED CHN — RESULT(B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:30	d5 1:30	21	fxe3 33'	0-0 50'	41	Qb7+ 26'	Qf7 40'	61		
2	Nf3 1:31	Nc6 1:29	22	Qa6 31'	Rac8 54'	42	Qxf7	Kxf7	62		
3	Bf4 1:30	Bf5 1:28	23	Rac1 31'	Qd7 52'	43	d5 26'	g2 48'	63		
4	c4 1:30	e6 1:28	24	Rc5 31'	Qe6 52'	44	d6 26'	g1=Q 48'	64		
5	cxd5 1:29	exd5 1:28	25	Rhc1 29'	Qh6 52'	45	d7 26'	Ke7 48'	65		
6	Qb3 1:22	Nb4 1:19	26	R1c6 24'	Qh2 52'	46	e6 26'	h5 41'	66		
7	Qa4+ 1:22	c6 1:19	27	Rd1 28'	Rc6 52'	47	a4 27'	h4 41'	67		
8	Na3 1:08	Qe7 1:16	28	Qc6 24'	Rh1 51'	48	b4 27'	h3 41'	68		
9	e3 1:11	Bxd3 1:13	29	Kd2 28'	Rf8 51'	49	a5 28'	h2 42'	69		
10	Ne5 1:05	Bf1 1:05	30	Qe6 28'	Kh8 51'	50	a6 28'	h1=Q 42'	70		
11	Rxf1 55'	Nf6 1:06	31	Rc8 27'	Rf2 50'	51	Kb3 28'	Qa1+ 42'	71		
12	Nc2 50'	Nc4 1:03	32	Kc1 27'	Rc8 47'	52	Kb3 29'	Qhd1+ 42'	72		
13	Qc2 50'	g6 1:01	33	Qc8 28'	Rf8 45'	53	Kc4 29'	Qa6 42'	73		
14	a3 48'	Bg7 54'	34	Qc5 27'	Qf4 45'	54	b5 29'	Qa4+ 42'	74		
15	Qa4 45'	0-0 54'	35	Kb1 27'	Qg4 44'	55	Kc3 30'	Rxc2 Qa2 42'	75		
16	Kc2 44'	Nh5 56'	36	Rd5 27'	Rf5 43'	56	Kb4 30'	Qdb1 42'	76		
17	g3 42'	g5 49 56'	37	Kc2 27'	g4 43'	57	Ra5+ 30'	Qa2 42'	77		
18	g4 42	Nf4 56'	38	Qc8 26'	Bf8 41'	58			78		
19	ef 42	fb 55'	39	Qe1 26'	Kg7 41'	59			79		
20	f3 33'	fe 56'	40	Qf6 26'	g3 40'	60			80		

SIGNATURE (WHITE) KimYeonseo — SIGNATURE (BLACK) JTN — SIGNATURE (ARBITER)

11:45 G10-9-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 9 | Date 2026.8.29 | Board 11

WHITE KimYeonseo — FED KOR — RESULT(W) 0

BLACK JiaTianni — FED CHN — RESULT(B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4.	d5.	21	fxe5.	b5.	41	Qb7+.	Qf7+.	61		
2	Nf3.	Nc6.	22	Qa6.	Rac8.	42	Qxf7	Kxf7.	62		
3	Bf4.	Bf5.	23	Rac1.	Qd7.	43	d5.	g2.	63		
4	c4.	e6.	24	Rc5	Qe6.	44	d6.	g1=Q.	64		
5	cxd5.	exd5.	25	Rfc1.	Qh6.	45	d7.	Ke7.	65		
6	Qb3.	Nb4.	26	Rxc6.	Qxh2+.	46	e6.	h5.	66		
7	Qa4+.	c6.	27	Kd1.	Rxc6.	47	a4.	h4.	67		
8	Na3.	Qe7	28	Qxc6.	Qh4+	48	b4.	h3.	68		
9	e3.	Bxd3.	29	Kd2	Qxf3.	49	a5	h2.	69		
10	Ne5.	Bxf1.	30	Qe6+.	Kh8.	50	a6.	h1=Q.	70		
11	Rxf1.	Nf6	31	Rc8.	Qf2.	51	Kb3.	Qa1+	71		
12	Nc2.	Nxc2+.	32	Kc1.	Qxc8	52	Kb3.	Qhd1+	72		
13	Qxc2	g6.	33	Qxc8+.	Qf8.	53	Kc4.	Qxa6+.	73		
14	a3.	Bg7	34	Qc5.	Qf4+.	54	b5.	Qa4+.	74		
15	Qa4.	0-0.	35	Kb1.	Qg4+.	55	Kc3.	Qc2.	75		
16	Kc2	Nh5.	36	Qd5.	Qf5+.	56	Kb4.	Qdb1+	76		
17	g3.	g5.	37	Kc2.	g4.	57	Ka5	Qca2#	77		
18	g4.	Nxf4+	38	Qc8+	Rf8	58			78		
19	exf3.	f6.	39	Qe8.	Kg7.	59			79		
20	f3	fxe5.	40	Qxb5.	g3.	60			80		

SIGNATURE (WHITE) KimYeonseo — SIGNATURE (BLACK) JTN — SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王 3亿人都在用的扫描App